| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN LẠC**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2022
*V/v tranh chấp:"Ly hôn, con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC -TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Đoàn Văn Đoan

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ L số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1978. Có mặt
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. Có mặt

Đều có địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Duy K trình bày:

Anh và chị L kết hôn ngày 23/12/2004 có đăng kí kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Lạc. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh một thời gian sau đó thì vào trong Thanh Hóa làm ăn. Năm 2015 chị L bị tai nạn lao động chấn thương cột sống gây liệt phải ngồi xe lăn, đến cuối năm 2016 anh K, chị L thuê nhà để ở và kinh doanh buôn bán của hàng tạp hóa nhỏ tại Thôn M, xã Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc, cho đến khi chị L bị tai nạn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống phát sinh bất đồng trong làm kinh tế, chị L có nhiều lời lẽ xúc phạm anh và gia đình, chị L không tôn trọng và coi thường anh dẫn đến tình cảm

rạn nứt, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến năm 2020 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên can, giải thích nhưng không thành. Năm 2021, chị L đã làm đơn xin ly hôn, đến tháng 6 năm 2021 tại phiên tòa xét xử thì chị L lại rút đơn. Tuy nhiên, sau đó tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 2 con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/9/2014. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị L. Ly hôn anh đề nghị giải quyết để anh nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 cháu, anh không yêu cầu chị L phải đóng góp nuôi con. Trường hợp anh không được nuôi hai cháu, anh để nghị giải quyết theo quy định. Hiện anh đang làm lò bánh mì tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 14.000.000đồng – 15.000.000đồng sau khi trừ đi các chi phí sinh hoạt còn lại khoảng từ 7.000.000đồng – 8.000.000đồng nên anh đủ điều kiện để chăm sóc các cháu.

Về tài sản, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L xác định quá trình chị và anh K kết hôn và chung sống như anh K trình bày là đúng.

Về tình cảm: Mâu thuẫn giữa vợ chồng bắt đầu từ năm 2016 do bất đồng quan điểm trong kinh doanh thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2017 anh K đi làm ăn xa, không có sự chia sẻ và vợ chồng chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2021, chị làm đơn ly hôn sau đó vì nghĩ đến hai con nên chị lại rút đơn. Đến nay anh K xin ly hôn, chị cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Đ và cháu Phương A vẫn ở cùng với chị và do chị chăm sóc. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung, yêu cầu anh K đóng góp nuôi con hàng tháng là 3.000.000đồng/1 tháng/1 cháu, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Trường hợp mỗi người nuôi một cháu thì chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Do chị bị tai nạn lao động nên việc sinh hoạt, đi lại gặp khó khăn cần sự giúp đỡ của các cháu để ổn định tinh thần. Hiện chị đang làm bán hàng tạp hóa, cộng với tiền trợ cấp tai nạn lao động thu nhập khoảng 18.900.000đồng/1 tháng.

Về tài sản công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã Y thể hiện: Anh Nguyễn Duy K và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, theo sổ đăng ký kết hôn số 02 năm 2004, vào số thứ tự 35 ngày 23/12/2004. Theo dư luận đến cuối năm 2020 anh K, chị L xảy ra mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng do bất đồng trong quan điểm trong kinh doanh, không tìm được tiếng nói chung, cũng đã được hai bên gia đình nội,

ngoại phân tích hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, anh K về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm bánh mỳ ở huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Còn chị L hiện đang sinh sống và bán hàng tạp hóa tại Thôn M, xã Y. Anh K và chị L có hai người con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/9/2014. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị L. Nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Lời khai của các cháu Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Phương A đều thể hiện các cháu không muốn bố mẹ bỏ nhau, và nguyện vọng của các cháu là được ở với chị L.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Duy K, xử cho anh K ly hôn chị L; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 05/3/2006 cho chị Nguyễn Thị L, giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/9/2014 cho anh Nguyễn Duy K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh K, chị L không phải đóng góp nuôi con; Về án phí: Anh K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân, hiện chị L đang sinh sống tại xã Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

*Về quan hệ tình cảm vợ chồng*: Anh Nguyễn Duy K và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh K, chị L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh K đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Anh K và chị L có 2 con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/9/2014. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị L. Anh K và chị L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu.

Về điều kiện nuôi con: Hiện anh K đang làm bánh mỳ tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ, thu nhập mỗi tháng khoảng 14.000.000đ đến 15.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt tiền thuê nhà còn lại khoảng 7.000.000đ đến 8.000.000đ/ tháng. Chị L có lương tai nạn lao động, người chăm nuôi là 3.900.000đ. Ngoài ra chị còn kinh doanh hàng tạp hóa, mỗi tháng thu nhập khoảng 15.000.000đ. Tổng thu nhập mỗi tháng khoảng 18.900.000đ

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh K đều có công việc và có thu nhập ổn định, nên cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Xét về nguyện vọng của các bên đương sự và tình hình thực tế hiện nay thấy cháu Đ đã lớn, tự chăm sóc được bản thân và có thể giúp đỡ chị L trong cuộc sống vì bản thân chị L bị liệt hai chân vẫn cần có người chăm sóc. Cháu Phương A còn nhỏ nên cần người chăm sóc, chị L do hoàn cảnh đặc biệt nên nếu giao cháu Phương A cho chị L chăm sóc sẽ có nhiều vất vả hơn. Để đảm bảo quyền làm cha, làm mẹ và quyền lợi của các con nên giao cho chị L nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Duy Đ, anh K nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Phương A. Anh K, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, công sức*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh K xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

*1. Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho anh Nguyễn Duy K được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

*2. Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 05/3/2006; anh Nguyễn Duy K nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/9/2014. Anh K, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*3. Về án phí:* Anh Nguyễn Duy K phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001118 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh K đã thực hiện xong án phí sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Y;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Hưng**